

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc cổ truyền, thuốc từ dược liệu thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018, Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh cho Bệnh viện đa khoa huyện Krông Pắc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ, về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BYT ngày 05/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh, về thẩm quyền trong đấu thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách Nhà nước nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan Nhà nước, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Theo Báo cáo thẩm định số 62/BC-SYT ngày 26/02/2017 của Sở Y tế, về đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc cổ truyền, thuốc từ dược liệu thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018 thuộc Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh cho Bệnh viện đa khoa huyện Krông Pắc;

Xét đề nghị của Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Krông Pắc tại Tờ trình số 36/TTr-BV ngày 07/02/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc cổ truyền, thuốc từ dược liệu thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018 thuộc Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh cho Bệnh viện đa khoa huyện Krông Pắc (chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Bệnh viện đa khoa huyện Krông Pắc (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện mua thuốc cổ truyền, thuốc từ dược liệu thuộc danh mục thuốc đầu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018 theo đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời, chịu trách nhiệm về giá và danh mục mua sắm thuốc tại Điều 1 Quyết định này.

Giao Sở Y tế có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, giám sát Bệnh viện đa khoa huyện Krông Pắc tổ chức thực hiện mua thuốc cổ truyền, thuốc từ dược liệu thuộc danh mục thuốc đầu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018 theo đúng tiến độ và quy định pháp luật hiện hành; đảm bảo cung ứng thuốc kịp thời phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức giám sát, theo dõi hoạt động đầu thầu tại Phụ lục kèm theo Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh; Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Krông Pắc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KT. (Y_12)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



H'Yim Kđoh

Phụ lục 1: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu:

Mua thuốc cổ truyền, thuốc từ dược liệu thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018

Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh cho Bệnh viện đa khoa huyện Krông Pắc

(Kèm theo Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 01 / 3 /2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

[illegible]

PHỤ LỤC 2: GÓI THẦU THUỐC CỔ TRUYỀN, THUỐC DƯỢC LIỆU CẤP CƠ SỞ NĂM 2018

Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh cho Bệnh viện đa khoa huyện Krông Pắc

(Kèm theo Quyết định số: **465** /QĐ-UBND ngày **01** /**3** /2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	STT/ TT09	Mã thuốc	Thành phần thuốc	Nhóm thuốc	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
I.Nhóm thuốc giải biểu										
1	2	CP101	Hoắc hương/ Quảng hoắc hương, Tía tô/ Tử tô diệp, Bạch chỉ, Bạch linh/Phục linh, Đại phúc bì, Thương truật, Hậu phác, Trần bì, Cam thảo, Bán hạ/ Bán hạ chế, (Cát cánh, Can khương).	1		Uống, viên	Viên	1.450	20.000	29.000.000
II.Nhóm thuốc thanh nhiệt, giải độc, tiêu ban, lợi thủy										
2	7	CP102	Actiso.	1	200mg	Uống; cao lỏng	Ống	3.350	10.000	33.500.000
3	7	CP103	Actiso.	1	250mg	Uống, viên	Viên	2.100	10.000	21.000.000
4	12	CP104	Actiso, Sài đất, Thương nhĩ tử, Kim ngân, Hạ khô thảo.	1		Uống, Viên	Viên	900	55.400	49.860.000
5	17	CP205	Cam thảo, Bạch mao căn, Bạch thực, Đan sâm, Bán lam căn, Hoắc hương, Sài hồ, Liên kiều, Thần khúc, Chi thực, Mạch nha, Nghệ.	2	500mg	Uống, viên	Viên	2.250	10.000	22.500.000
6	22	CP106	Diệp hạ châu, Bồ bồ, Chi tử.	1		Uống, viên	Viên	510	50.000	25.500.000
7	25	CP107	Diệp hạ châu, Hoàng bá, Mộc hương, Quế nhục, Tam thất.	1		Uống, viên	Viên	1.680	116.200	195.216.000
8	27	CP108	Diệp hạ châu, Tam thất, Kim ngân hoa, Cam thảo, Thảo quyết minh, Cúc hoa.	1	10g	Uống, thuốc cốm	Gói/túi	4.620	114.000	526.680.000
9	28	CP109	Diệp hạ châu/Diệp hạ châu đắng, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, Cỏ mực.	1		Uống, Viên	Viên	1.950	87.000	169.650.000
10	35	CP110	Kim tiền thảo.	1	280mg	Uống, viên	Viên	410	138.000	56.580.000

TT	STT/ TT09	Mã thuốc	Thành phần thuốc	Nhóm thuốc	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
11	36	CP111	Kim tiền thảo, Chi thực, Nhân trần, Hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao căn, Nghệ, Bình lang, Mộc hương, Đại hoàng.	1		Uống, viên	Viên	1.344	100.000	134.400.000
12	38	CP112	Kim tiền thảo, Trạch tả, (Thực địa), (Đường kính trắng).	1	5g	Uống, viên	Gói/túi	4.620	56.000	258.720.000
13	44	CP113	Nhân trần, Bồ công anh, Cúc hoa, Actiso, Cam thảo, Kim ngân hoa.	1		Uống, viên	Viên	2.100	50.000	105.000.000
14	49	CP114	Sài đất, Thương nhĩ tử, Kinh giới, Thổ phục linh, Phòng phong, Đại hoàng, Kim ngân hoa, Liên kiều, Hoàng liên, Bạch chỉ, Cam thảo.	1		Uống, viên	Viên	850	39.600	33.660.000

III.Nhóm thuốc khu phong trừ thấp

15	53	CP215	Cao toàn phần không xà phòng hóa quả bơ, Cao toàn phần không xà phòng hóa dầu đậu nành.	2	300mg	Uống, viên	Viên	12.000	4.000	48.000.000
16	56	CP116	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chỉ, Tục đoạn, Bồ cốt chỉ.	1		Uống, viên	Viên	2.200	80.000	176.000.000
17	57	CP117	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thược, Ngưu tất, Sinh địa/Thực địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm/Đảng sâm, Đương quy, Xuyên khung.	1		Uống, viên	Viên	830	120.000	99.600.000

TT	STT/ TT09	Mã thuốc	Thành phần thuốc	Nhóm thuốc	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
18	58	CP118	Độc hoạt, Quế chi/Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân/Dây đau xương, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa/Thực địa/Địa hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh/Bạch linh, Cam thảo, (Đảng sâm/Nhân sâm).	1		Uống, viên	Viên	2.285	77.400	176.859.000
19	68	CP119	Mã tiền, Ma hoàng, Tầm vôi, Nhũ hương, Một dược, Ngưu tất, Cam thảo, Thương truật.	1		Uống, viên	Viên	1.050	80.000	84.000.000
20	71	CP120	Mã tiền chế, Hy thiêm, Ngũ gia bì, (Tam Thất).	1		Uống, Viên	Viên	840	32.000	26.880.000
21	73	CP121	Tần giao, Đỗ trọng, Ngưu tất, Độc hoạt, Phòng phong, Phục linh, Xuyên khung, Tục đoạn, Hoàng kỳ, Bạch thược, Cam thảo, Đương quy, Thiên niên kiện.	1	5g	Uống, viên	Gói/túi	4.900	100.000	490.000.000
IV.Nhóm thuốc nhuận tràng, tả hạ, tiêu thực, bình vị, kiện tỳ										
22	79	CP122	Bạch truật, Đảng sâm, Liên nhục, Cát cánh, Sa nhân, Cam thảo, Bạch linh, Trần bì, Mạch nha, Long nhãn, Sứ quân tử, Bán hạ.	1	100ml	Uống, Siro	Chai/lọ	28.000	6.000	168.000.000
23	80	CP123	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng Đề, Hoài sơn/Sơn Dược, Trần bì, Hoàng liên, Bạch linh, Sa nhân, Bạch thược, Cam thảo, Đảng sâm.	1	4g	Uống, viên	Gói/túi	3.650	54.000	197.100.000

TT	STT/ TT09	Mã thuốc	Thành phần thuốc	Nhóm thuốc	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
24	82	CP224	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đảng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Dương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo).	2	60ml	Cao lỏng, uống	Chai/lọ	42.000	6.000	252.000.000
25	82	CP125	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đảng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Dương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo).	1	10ml	Uống, Siro	Ống	4.500	40.000	180.000.000
26	100	CP126	Mộc hương, Hoàng liên/Berberin, (Xích thực/Bạch thực), (Ngô thù du).	1		Uống, viên	Viên	1.260	30.000	37.800.000
27	101	CP127	Nghệ vàng.	1	30g	Uống, thuốc nước	Chai	54.000	950	51.300.000
28	103	CP228	Ngưu nhĩ phong, La liễu.	2	8g	Uống, thuốc cốm	Gói/túi	6.000	20.000	120.000.000
29	107	CP129	Nhân sâm/Đảng sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, (Sinh khương), (Đại táo).	1	10ml	Uống, cao lỏng	Ống	4.500	30.000	135.000.000
30	107	CP130	Nhân sâm/Đảng sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, (Sinh khương), (Đại táo).	1	10g	Uống, Viên	Gói/túi	3.000	10.000	30.000.000
V.Nhóm thuốc an thần, định chí, dưỡng tâm										
31	129	CP131	Đương quy, Bạch quả.	1		Uống, Viên	Viên	1.596	100.000	159.600.000
32	131	CP132	Hoài sơn, Liên nhục, Liên tâm, Lá dâu, Lá vông, Bả tử nhân, Toan táo nhân, Long nhãn.	1		Uống, viên	Viên	1.279	50.000	63.950.000

TT	STT/ TT09	Mã thuốc	Thành phần thuốc	Nhóm thuốc	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
33	135	CP133	Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ).	1		Uống, viên	viên	1.400	120.000	168.000.000
34	138	CP134	Sinh địa, Mạch môn, Thiên môn/Thiên môn đông, Táo nhân, Bá tử nhân, Huyền sâm, Viễn chí, Ngũ vị tử, Đảng sâm, Đương quy, Đan sâm, Phục thần, Cát cánh.	1		Uống, viên	Viên	860	60.000	51.600.000

VI. Nhóm thuốc chữa các bệnh về phế

35	147	CP135	Bách bộ, Cát cánh, Mạch môn, Trần bì, Cam thảo, Bối mẫu, Bạch quả, Hạnh nhân, Ma hoàng.	1	90ml	Uống, cao lỏng	Chai/lọ	26.000	2.000	52.000.000
36	148	CP136	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp/Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông/Mạch môn, Bạc hà/Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối/Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà/menthol, (Bàng sa).	1	125ml	Uống, dung dịch	Chai/Lọ	35.000	2.000	70.000.000
37	150	CP137	Húng chanh, Núc nác, Cineol.	1	90ml	Uống, Siro thuốc	Chai/Lọ	33.075	2.000	66.150.000
38	158	CP138	Tỳ bà diệp, Cát cánh, Bách bộ, Tiền hồ, Tang bạch bì, Thiên môn, Bạch linh/Phục linh, Cam thảo, Hoàng cầm, Cineol,(Menthol).	1	90ml	Uống, nhũ tương	Chai/Lọ	25.200	2.000	50.400.000

VII. Nhóm thuốc chữa các bệnh về Dương, về Khí

TT	STT/ TT09	Mã thuốc	Thành phần thuốc	Nhóm thuốc	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
39	161	CP139	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược.	1	Ống 10ml	Uống, thuốc nước	ống	4.120	20.000	82.400.000

VIII. Nhóm thuốc chữa các bệnh về Âm, về Huyết

40	177	CP140	Đảng sâm, Thục địa, Quế, Ngũ gia bì, Đương qui, Xuyên khung, Long nhãn, Trần bì.	1	Chai 250ml	Uống, cao lỏng	Chai/Lọ	45.500	4.800	218.400.000
41	180	CP141	Hà thủ ô đỏ, Đảng sâm, Sơn thù, Mạch môn, Hoàng kỳ, Bạch truật, Cam thảo, Ngũ vị tử, Đương quy, Mẫu đơn bì.	1	10g	Uống, thuốc cốm	Gói/túi	3.780	100.000	378.000.000
42	181	CP142	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).	1	Chai 200ml	Uống, cao lỏng	Chai/Lọ	42.250	14.400	608.400.000
43	181	CP143	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).	1		Uống, viên	Viên	750	600.000	450.000.000

IX. Nhóm thuốc chữa bệnh về ngũ quan

44	208	CP144	Tân di/Tân di hoa, Cảo bản, Bạch chi, Phòng phong, Tế tân, Xuyên khung, Thăng ma, Cam thảo.	1		Uống, Viên	viên	1.900	20.000	38.000.000
----	-----	-------	---	---	--	------------	------	-------	--------	------------

X. Nhóm thuốc dùng ngoài

45	217	CP145	Dầu gió các loại.	1	12,44g/15ml	Dùng ngoài, dầu xoa	Chai/Lọ	26.775	850	22.758.750
----	-----	-------	-------------------	---	-------------	---------------------	---------	--------	-----	------------

TT	STT/ TT09	Mã thuốc	Thành phần thuốc	Nhóm thuốc	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
46	219	CP146	Địa liên, Thương truật, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Long não.	1	50ml	Dùng ngoài, thuốc xịt	Chai/Lọ	33.500	2.500	83.750.000
47	224	CP147	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục/Quế chi, Thiên niên kiện, (Uy Linh tiên), (Mã tiền), Huyết giác, (Xuyên khung), Methyl salicylat/Camphora, (Tế tân), (Riêng).	1	90ml	Dùng ngoài, cồn xoa	Chai/lọ	22.785	4.000	91.140.000
Tổng cộng: 47 khoản										6.588.353.750
Làm tròn										6.588.354.000